

DANH SÁCH SINH VIÊN NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Khoa: **Khóa 53**

Học tập: **Chính quy**

Ngành: **QUẢN TRỊ DẠY HỌC VÀ LUYỆN THI (CHUYÊN)**

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh 2	Tổng số TCTL	Chỉ số TBTL	Xếp hạng TN (Lớp)	Ghi chú
1	19D4011004	Nguyễn Thanh An	Nam	24/10/2001	Thị trấn Phố Mới		115	3.12	Khá	
2	19D4011008	Lê Thị Hằng	N	29/05/2001	Thị trấn Thái Bình		114	3.40	Giỏi	
3	19D4011019	Nguyễn Ngọc Ánh	N	07/05/2001	Thị trấn Hồ Chí Minh		115	3.13	Khá	
4	19D4011026	Nguyễn Thị Kiều Mai	N	13/06/2001	Thị trấn Quảng Nam		114	3.34	Giỏi	
5	19D4011043	Nguyễn Thị Ngọc Chi	N	09/06/2001	Thị trấn Thái Bình		114	3.71	Xuất sắc	
6	19D4011044	Trần Thị Lan Chi	N	25/08/2001	Thị trấn Thái Bình		114	3.45	Giỏi	
7	19D4011049	Hồng Ngọc Nhung	Nam	28/08/2001	Thị trấn Thái Bình		114	3.57	Giỏi	
8	19D4011054	Nguyễn Minh Cường	Nam	20/08/2001	Thị trấn Ninh Bình		116	3.70	Xuất sắc	
9	19D4011057	Nguyễn Thị Diệu An	N	10/05/2001	Thị trấn Thái Bình		114	3.32	Giỏi	
10	19D4011064	Trần Thị Cẩm Sao	N	14/08/2001	Thị trấn Thái Bình		115	3.44	Giỏi	
11	19D4011072	Nguyễn Ngọc Diệp	N	13/08/2001	Thị trấn Hồ Chí Minh		115	2.77	Khá	
12	19D4011078	Lê Thị Phụng Hằng	N	16/03/2001	Thị trấn Bình Nhưỡng		115	3.11	Khá	
13	19D4011090	Bùi Thị Thùy Dung	N	27/10/2001	Thị trấn Thái Bình		115	2.94	Khá	
14	19D4011091	Nguyễn Chiếu Dung	N	13/05/2001	Thị trấn Quảng Nam		115	3.59	Giỏi	
15	19D4011095	Nguyễn Ngọc Nguyễn Duyên	N	26/11/2001	Thị trấn Thái Bình		115	3.17	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh năm 2	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp hạng TN (Lớp)	Ghi chú
16	19D4011104	Phạm Thị Thanh Duyên	N	13/08/2001	Tỉnh Quảng Trị		115	3.50	Giỏi	
17	19D4011125	Hà Thị Thanh Hà	N	13/10/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.34	Giỏi	
18	19D4011133	Bùi Thị Văn Hi	N	25/10/2001	Tỉnh Hồ Chí Minh		114	3.38	Giỏi	
19	19D4011135	Lê Mạnh Quốc Hi	Nam	29/07/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	3.29	Giỏi	
20	19D4011143	Hoàng Thị Thùy Hằng	N	24/10/2001	Tỉnh Quảng Bình		114	3.70	Xuất sắc	
21	19D4011147	Nguyễn Thị Hằng	N	03/08/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.03	Khá	
22	19D4011149	Nguyễn Thị Hằng	N	02/01/2001	Tỉnh Quảng Trị		115	3.65	Xuất sắc	
23	19D4011158	Nguyễn Thị Minh Huệ	N	12/11/2001	Tỉnh Nghệ An		114	3.25	Giỏi	
24	19D4011159	Bùi Thị Hiền	N	01/01/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		116	3.45	Giỏi	
25	19D4011160	Nguyễn Thị Hiền	N	19/07/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.43	Giỏi	
26	19D4011161	Hoàng Thị Diễm Hiền	N	16/10/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.63	Xuất sắc	
27	19D4011163	Lê Thị Diễm Hiền	N	25/10/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.28	Giỏi	
28	19D4011166	Nguyễn Thị Hiền	N	14/02/2001	Tỉnh Quảng Bình		114	3.36	Giỏi	
29	19D4011168	Nguyễn Thị Thu Hiền	N	15/07/2001	Tỉnh Quảng Nam		114	3.37	Giỏi	
30	19D4011173	Trần Thị Diễm Hiền	N	17/08/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.04	Khá	
31	19D4011174	Trần Thị Thùy Hiền	N	05/09/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.74	Xuất sắc	
32	19D4011175	Phan Văn Hiệp	Nam	31/03/2001	Tỉnh Quảng Nam		114	3.19	Khá	
33	19D4011177	Hoàng Minh Huệ	Nam	20/01/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	2.89	Khá	
34	19D4011766	Nguyễn Thị Hằng	N	07/06/2001	Tỉnh Quảng Trị		115	2.93	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh 2	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp hạng TN (Điểm)	Ghi chú
35	19D4011206	Phan Thị Minh Huệ	N	13/01/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	3.26	Giỏi	
36	19D4011209	Nguyễn Văn Hùng	Nam	16/01/2001	Tỉnh Quảng Nam		115	3.03	Khá	
37	19D4011211	Phan Công Hùng	Nam	14/04/2001	Tỉnh Quảng Nam		115	3.40	Giỏi	
38	19D4011218	Nguyễn Thị Thu Hùng	N	20/06/2001	Tỉnh Quảng Bình		115	3.61	Xuất sắc	
39	19D4011219	Nguyễn Thị Thu Hùng	N	14/02/2001	Tỉnh Quảng Nam		114	3.27	Giỏi	
40	19D4011223	Nguyễn Hữu Nhật Huy	Nam	19/02/2001	Tỉnh Quảng Nam		114	3.30	Giỏi	
41	19D4011229	Hồ Thị Ngọc Huyền	N	04/03/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.35	Giỏi	
42	19D4011231	Nguyễn Thị Huyền	N	18/02/2001	Tỉnh Quảng Nam		115	3.55	Giỏi	
43	19D4011232	Nguyễn Thị Khánh Huyền	N	21/04/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.58	Giỏi	
44	19D4011235	Nguyễn Thị Thanh Huyền	N	06/07/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	3.82	Xuất sắc	
45	19D4011240	Vũ Thị Huyền	N	01/03/2001	Tỉnh Quảng Bình		114	3.54	Giỏi	
46	19D4011242	Phan Thị Phi Hoàng	N	20/11/2001	Tỉnh Quảng Nam		114	3.45	Giỏi	
47	19D4011251	Nguyễn Hữu Khắc	Nam	06/01/2001	Tỉnh Hồ Chí Minh		115	3.43	Giỏi	
48	19D4011255	Nguyễn Thị Thu Lâm	N	05/07/2001	Tỉnh Gia Lai		115	3.43	Giỏi	
49	19D4011256	Nguyễn Ngọc Thanh Lâm	N	02/10/2001	Tỉnh Quảng Trị		115	3.46	Giỏi	
50	19D4011270	Nguyễn Phụng Liên	N	18/02/2001	Tỉnh Quảng Bình		115	3.60	Xuất sắc	
51	19D4011274	Châu Thị M. Linh	N	14/06/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.42	Giỏi	
52	19D4011277	Hồ Thị M. Linh	N	30/07/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.38	Giỏi	
53	19D4011278	Hoàng Nhật Linh	N	12/07/2001	Tỉnh Quảng Bình		115	3.23	Giỏi	
54	19D4011279	Hoàng Thị Di. Linh	N	09/04/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		116	3.40	Giỏi	
55	19D4011287	Nguyễn Thị Thùy Linh	N	02/07/2001	Tỉnh Quảng Trị		115	3.38	Giỏi	

TT	Mã sinh viên	H v©t²n		Gi i t'nh	Ngày sinh	N i sinh	H c ng©nh 2	T ng s TCTL	ñ i m TBTL	X p h ng TN (L ngh)	Ghi chú
56	19D4011288	Ph m Th Th o	Linh	N	12/01/2001	Th©nh ph ã ©N ng		115	3.37	Gi i	
57	19D4011294	ñ ng Th	Loan	N	10/01/2001	T nh H©Tñh		115	3.46	Gi i	
58	19D4011300	Nguy n Th M	Loan	N	16/02/2001	T nh Qu ng Tr		115	3.23	Gi i	
59	19D4011305	L² Tr ng	L c	Nam	22/04/2001	T nh Thanh H¹ a		115	3.08	Khá	
60	19D4011312	ñ o© Th	L ng	N	10/09/2001	T nh Qu ng Bñh		115	3.55	Gi i	
61	19D4011313	Nguy n Ng c Quinh	L u	N	23/11/2001	T nh Qu ng Tr		115	3.67	Xu t s c	
62	19D4011318	Mai Th Th o	Ly	N	30/07/2001	T nh Qu ng Tr		114	3.28	Gi i	
63	19D4011322	Phan Th Di u	Ly	N	07/03/2001	T nh Th a Thi²n Hu		116	3.51	Gi i	
64	19D4011331	Ho©ng Th	Mãi	N	07/01/2001	T nh Qu ng Bñh		115	3.21	Gi i	
65	19D4011333	V½Th Th¿y	M n	N	26/01/2001	T nh Qu ng Nam		115	3.37	Gi i	
66	19D4011338	Nguy n Th	Minh	N	12/06/2001	T nh Ngh An		115	3.17	Khá	
67	19D4011339	Nguy n Th Nh t	Minh	N	19/02/2001	T nh Qu ng Tr		115	3.69	Xu t s c	
68	19D4011344	H Th Tr©	My	N	03/06/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.93	Xu t s c	
69	19D4011345	Huinh Th Di m	My	N	10/09/2001	T nh Qu ng Nam		115	3.35	Gi i	
70	19D4011347	Nguy²n Ngoc Huy²n	My	N	30/09/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.78	Xu t s c	
71	19D4011351	Phan L² Hi n	My	N	11/03/2001	Th©nh ph ã ©N ng		114	3.26	Gi i	
72	19D4011352	Tr n H©Di u	My	N	16/11/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.66	Xu t s c	
73	19D4011362	H Th	Nñm	N	22/09/2001	T nh Ngh An		115	2.98	Khá	
74	19D4011363	L² Th Thanh	Nga	N	23/12/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.75	Xu t s c	
75	19D4011367	Nguy n Tr n Th Nguy t	Nga	N	04/07/2001	Th©nh ph H Ch' Minh		115	3.07	Khá	
76	19D4011370	L² Th	Ngân	N	04/04/2001	T nh Qu ng Ng-i		115	3.56	Gi i	
77	19D4011377	V½Th Kim	Ngân	N	14/02/2001	T nh H©Tñh		114	3.25	Gi i	

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh 2	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp hạng TN (Lớp)	Ghi chú
78	19D4011381	Nguyễn Thị Khánh	N	02/09/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		116	2.82	Khá	
79	19D4011382	Nguyễn Thị Tuyết	N	10/12/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.34	Giỏi	
80	19D4011383	Lê Thị Bảo	N	09/08/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.51	Giỏi	
81	19D4011385	Nguyễn Thị Anh	N	23/08/2001	Tỉnh Quảng Bình		115	3.56	Giỏi	
82	19D4011387	Nguyễn Thị Bích	N	01/10/2001	Tỉnh Quảng Bình		114	2.86	Khá	
83	19D4011389	Nguyễn Thị Hằng	N	28/04/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.22	Giỏi	
84	19D4011391	Phạm Thị Tiểu	N	03/10/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.63	Xuất sắc	
85	19D4011394	Phạm Thị Thảo	N	02/04/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	2.95	Khá	
86	19D4011395	Trần Thị Thảo	N	04/07/2001	Tỉnh Gia Lai		115	3.17	Khá	
87	19D4011397	Trần Thị Minh	N	15/12/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.42	Giỏi	
88	19D4011401	Hoàng Thị Thanh	N	15/09/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	2.97	Khá	
89	19D4011402	Nguyễn Duy Thảo	N	16/06/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	3.25	Giỏi	
90	19D4011405	Nguyễn Thị Thanh	N	29/11/2001	Tỉnh Quảng Trị		115	3.44	Giỏi	
91	19D4011409	Hoàng Thanh	Nam	27/09/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.49	Giỏi	
92	19D4011411	Trần Long	Nam	24/10/2001	Thị trấn Phố Mới		116	3.17	Khá	
93	19D4011772	Cường Thị Xuân	N	18/01/2001	Tỉnh Quảng Trị		114	3.36	Giỏi	
94	19D4011412	Cao Thị Uyên	N	02/02/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.75	Xuất sắc	

TT	Mã sinh viên	H v©t²n		Gi i t'nh	Ngày sinh	N i sinh	H c ng©nh 2	T ng s TCTL	ñ i m TBTL	X p h ng TN (L ngh)	Ghi chú
95	19D4011416	L² Th Kim	Nhi	N	10/04/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.34	Gi i	
96	19D4011417	L² Th Thanh	Nhi	N	01/02/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	3.08	Khá	
97	19D4011422	Nguy n Th Y n	Nhi	N	21/02/2001	T nh Gia Lai		116	3.28	Gi i	
98	19D4011424	Ph m Th Uy n	Nhi	N	09/03/2001	T nh Qu ng B²nh		115	3.28	Gi i	
99	19D4011426	Tr n Th Lan	Nhiên	N	26/05/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	3.31	Gi i	
100	19D4011432	Nguy²n Phuc Tª m	Nh	N	13/03/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.17	Khá	
101	19D4011435	Nguy n Th Quanh	Nh	N	26/06/2001	T nh Qu ng Tr		114	3.32	Gi i	
102	19D4011437	Tr ng Th	Nh	N	28/08/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	3.16	Khá	
103	19D4011441	Ng» Th H ng	Nhung	N	01/05/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.30	Gi i	
104	19D4011471	H Th Ki u	Ph c	N	30/04/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	2.98	Khá	
105	19D4011472	L² Nguy n M	Ph ng	N	31/08/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.69	Xu t s c	
106	19D4011475	Nguy²n Lam	Ph ng	N	06/04/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	3.23	Gi i	
107	19D4011476	Nguy²n Ngoc Minh	Ph ng	N	07/09/2001	T nh Th a Thi²n Hu		116	2.86	Khá	
108	19D4011477	Nguy n Th	Ph ng	N	29/07/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	3.24	Gi i	
109	19D4011479	Nguy²n Thi Uy²n	Ph ng	N	15/06/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.83	Xu t s c	
110	19D4011491	Bhn ch	Pôly	N	23/08/2001	T nh Qu ng Nam		115	3.45	Gi i	
111	19D4011501	Tr n Anh	Qu c	Nam	01/08/2001	T nh Qu ng Nam		115	3.01	Khá	

TT	Mã sinh viên	H v©t²n	Gi i t'nh	Ngày sinh	N i sinh	H c ng©nh 2	T ng s TCTL	ñ i m TBTL	X p h ng TN (L ñgh)	Ghi chú
112	19D4011504	Lê Hoàng	Quyên	N	20/11/2001	Th a Thi²n Hu		114	3.11	Khá
113	19D4011505	L² Th	Quyên	N	30/06/2001	T nh Qu ng Tr		114	3.29	Gi i
114	19D4011508	Tr nh M Th o	Quyên	N	14/12/2001	T nh Th a Thi²n Hu		116	2.88	Khá
115	19D4011509	Tr ñg Th T¾	Quyên	N	14/05/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.17	Khá
116	19D4011514	D ñg Th Nh	Quinh	N	15/06/2001	T nh Qu ng Tr		114	3.49	Gi i
117	19D4011518	L² Th Thanh	Quinh	N	03/03/2001	T nh Qu ng Bñh		115	3.52	Gi i
118	19D4011520	ñ Xuªn	Rin	Nam	22/04/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.16	Khá
119	19D4011528	Huinh C»ng	S n	Nam	09/06/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.55	Gi i
120	19D4011529	Nguy n Thanh	S n	Nam	13/01/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.53	Gi i
121	19D4011537	L² H u Anh	Tài	Nam	07/11/2001	T nh Qu ng Nam		116	3.28	Gi i
122	19D4011538	Nguy n Vñh	Tài	Nam	13/04/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.23	Gi i
123	19D4011544	Phan Kh c Minh	Tâm	Nam	14/03/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	2.94	Khá
124	19D4011546	Nguy²n Vñh	Tªn	Nam	07/07/2001	T nh Th a Thi²n Hu		116	3.61	Xu t s c
125	19D4011550	Ho»ng Qu c	Thái	Nam	10/09/2000	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.12	Khá
126	19D4011553	Tr n Th	Th m	N	23/05/2001	T nh Qu ng Nam		115	3.78	Xu t s c
127	19D4011563	ñ o» Th Di u	Thanh	N	08/10/2001	T nh ñ k L k		114	3.71	Xu t s c
128	19D4011564	Ng» Th Thanh	Thanh	N	06/08/2001	Th a Thi²n Hu		114	3.05	Khá
129	19D4011566	Phan Th B'ch	Thanh	N	25/04/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.51	Gi i
130	19D4011773	V½Th Thanh	Thanh	N	01/01/2001	T nh Qu ng Tr		115	3.17	Khá

TT	Mã sinh viên	H v©t²n	Gi i t'nh	Ngày sinh	N i sinh	H c ng©nh 2	T ng s TCTL	ñ i m TBTL	X p h ng TN (L ngh)	Ghi chú
131	19D4011572	Hoang Thi Ph ng Thao	N	02/02/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.43	Gi i	
132	19D4011574	ñ ng Th Thanh Th o	N	11/01/2001	T nh Ph¾Y²n		115	3.22	Gi i	
133	19D4011575	ñ © Th B'ch Th o	N	08/08/2001	T nh Ngh An		114	3.13	Khá	
134	19D4011577	D ng Th Ng c Th o	N	01/08/2001	T nh Qu ng Bnh		115	3.35	Gi i	
135	19D4011579	Huinh Th Ph ng Th o	N	30/08/2001	T nh Qu ng Nam		114	3.46	Gi i	
136	19D4011582	Nguy n Th Thanh Th o	N	08/05/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	3.11	Khá	
137	19D4011589	Tr n Th Thu Th o	N	22/12/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	3.18	Khá	
138	19D4011591	Tr n Gia Th	Nam	21/05/2001	T nh Qu ng Ng-i		115	3.53	Gi i	
139	19D4011594	Lê Quang Thi	Nam	25/07/2001	T nh Th a Thi²n Hu		115	3.27	Gi i	
140	19D4011596	Th'i Ng c Uy²n Thi	N	07/10/2001	T nh Qu ng Bnh		114	3.09	Khá	
141	19D4011604	Chªu Th L Thu	N	03/05/2001	Th©nh ph ñ ©N ng		115	3.03	Khá	
142	19D4011605	D ng Th Ho© Thu	N	02/01/2001	T nh Qu ng Bnh		115	3.54	Gi i	
143	19D4011607	L² Th Thu	N	25/10/2001	T nh Qu ng Tr		114	3.64	Xu t s c	
144	19D4011615	D ng Th Th ng	N	17/01/2001	T nh Qu ng Nam		114	3.38	Gi i	
145	19D4011616	Kh c Th Ho© Th ng	N	26/08/2001	T nh Qu ng Bnh		115	3.05	Khá	
146	19D4011618	Nguy n Th Th ng	N	26/11/2001	T nh H©Tñh		114	3.56	Gi i	
147	19D4011623	ñ ng Th Kim Thúy	N	12/09/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	3.72	Xu t s c	
148	19D4011625	Phçng Th Kim Thúy	N	18/01/2001	T nh Gia Lai		114	3.53	Gi i	
149	19D4011626	Tr n Th Thanh Thúy	N	20/02/2001	T nh Th a Thi²n Hu		114	3.44	Gi i	
150	19D4011630	Giang Th Thu Th y	N	07/12/2001	T nh Bnh ñ nh		114	3.00	Khá	
151	19D4011632	Ng» Th Thu Th y	N	07/09/1999	T nh H©Tñh		114	3.71	Xu t s c	

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh 2	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp hạng TN (Điểm)	Ghi chú
152	19D4011635	Phan Thị Thuỳ	N	02/01/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.21	Giỏi	
153	19D4011637	Nguyễn Thị Tiên	N	17/05/2001	Tỉnh Quảng Nam		115	3.42	Giỏi	
154	19D4011638	Nguyễn Thị Tiên	N	08/03/2001	Tỉnh Quảng Nam		116	3.11	Khá	
155	19D4011642	Ngô Quang Tiến	Nam	14/03/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		116	3.35	Giỏi	
156	19D4011644	Nguyễn Thị Tiến	N	29/11/2001	Thị trấn Phố Mới		115	3.59	Giỏi	
157	19D4011649	Nguyễn Duy Minh	Nam	11/02/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		116	3.08	Khá	
158	19D4011653	Lê Thị Ngọc Trâm	N	03/03/1999	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.20	Giỏi	
159	19D4011655	Trần Thị Ngọc Trâm	N	09/05/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.71	Xuất sắc	
160	19D4011656	Nguyễn Thị Huyền Trân	N	08/09/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.44	Giỏi	
161	19D4011658	Hồ Thị Huyền Trang	N	15/06/2001	Tỉnh Quảng Bình		115	3.77	Xuất sắc	
162	19D4011662	Lê Đình Quỳnh Trang	N	04/12/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.73	Xuất sắc	
163	19D4011664	Lê Thị Ngọc Trang	N	01/03/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	2.96	Khá	
164	19D4011668	Lê Thị Trang	N	02/06/2001	Tỉnh Quảng Nam		115	3.80	Xuất sắc	
165	19D4011677	Trần Thị Thanh	N	25/12/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	3.16	Khá	
166	19D4011682	Nguyễn Thị Kiều Trinh	N	26/01/2001	Tỉnh Quảng Trị		115	3.24	Giỏi	
167	19D4011692	Hồ Ngọc Thị Trung	Nam	01/01/2001	Tỉnh Hồ Chí Minh		116	3.53	Giỏi	
168	19D4011693	Huỳnh Nguyễn Trung	Nam	28/12/2001	Tỉnh Quảng Nam		114	2.69	Khá	
169	19D4011694	Nguyễn Duy Trừng	Nam	07/11/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	2.89	Khá	
170	19D4011696	Hồ Lê Cẩm Tú	N	25/05/2001	Thị trấn Phố Mới		114	3.38	Giỏi	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh 2	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp hạng TN (Điểm)	Ghi chú
171	19D4011705	Nguyễn Hữu Trung	Tuyển	Nam	08/02/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	3.11	Khá
172	19D4011710	Lê Thị	Tuyển	N	02/07/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	3.47	Giỏi
173	19D4011711	Lê Thị Thanh	Tuyển	N	04/09/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.44	Giỏi
174	19D4011731	Lê Thanh	Vân	N	13/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		114	3.40	Giỏi
175	19D4011732	Lê Thị M	Vân	N	12/04/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		114	3.24	Giỏi
176	19D4011737	Nguyễn Thị Hằng	Vân	N	11/07/2001	Tỉnh Quảng Trị		114	3.38	Giỏi
177	19D4011743	Thị Thị Thanh	Vân	N	27/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		115	3.27	Giỏi
178	19D4011745	Nguyễn Thị	Vàng	N	01/01/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.43	Giỏi
179	19D4011752	Nguyễn Hữu Tuấn	VHO	Nam	20/10/2000	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.10	Khá
180	19D4011753	Nguyễn Thị Hằng	Vy	N	27/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		115	3.30	Giỏi
181	19D4011756	Trần Thị Hoàng	Vy	N	25/10/2001	Tỉnh Quảng Nam		114	3.86	Xuất sắc
182	19D4011760	Trần Thị Nh	Ý	N	27/03/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế		115	3.48	Giỏi
183	19D4011763	Trần Hữu	Yên	N	08/06/2001	Tỉnh Quảng Bình		115	3.14	Khá

Danh sách 183 sinh viên học tập trong năm học 2019-2020:

- Sinh viên học tập tại Xuất sắc 30
- Sinh viên học tập tại Giỏi 101
- Sinh viên học tập tại Khá 52

Hu, ngày tháng năm 20.....

HI U TR NG